

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/DS-PT

Ngày 19-02- 2025

“V/v tranh chấp dân sự về
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024, “V/v Tranh chấp về dân sự quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử **phúc thẩm số: 699/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2024**, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thoảng E, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị M, sinh năm 1946.

2. Anh Trần Văn D, sinh năm 1971.

Người đại diện hợp pháp của bà M: Anh Trần Văn D, sinh năm 1971. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 18/02/2025.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Thái Quang T1
- Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số B đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1974.
2. Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1976.
3. Cháu Trần Minh Q, sinh năm 2011.
4. Cháu Trần Ngọc T3, sinh năm 2019.

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Minh Q, cháu Trần Ngọc T3: Anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L (Cha mẹ) - Là người giám hộ.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T2, chị L, cháu Q, cháu T3 là: Luật sư Thái Quang T1 - Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số B đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Thanh B, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ trụ sở: Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Phan Thị M là bị đơn.

Chị Thoảng E, bà M, anh D, anh T2, chị L, Luật sư T1 có mặt; Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thoảng E trình bày :*

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 58, tờ bản số 67, diện tích 2.227,7m², tọa lạc ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của cha mẹ chị Thoảng E là ông Nguyễn Văn K (chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2021) để lại. Sau khi cha mẹ chết, thì chị Thoảng E được thừa kế đứng tên phần đất thửa 58, tờ bản đồ số 67 vào năm 2022. Giữa bà M, anh D, anh T2 với chị Thoảng E chỉ có mối quan hệ bà con thời ông cố của chị Thoảng E. Trước đây, ông K có cho gia đình bà M ở nhờ, chị Thoảng E cũng không biết rõ thời gian cho ở nhờ. Ngoài ra, ông K cũng cho nhiều người khác ở nhờ nhưng đến nay những hộ đó đã di dời trả đất xong. Việc ông K cho ở nhờ thì chị Thoảng E không biết có làm giấy tờ gì không.

Phần đất tranh chấp đang được hộ bà M, anh T2, chị L sử dụng để ở. Trước đây, bà M và anh D được Nhà nước xem xét cấp cho 02 nền tái định cư, một nền thì anh D đang ở, còn một nền thì bà M và anh T2 đã chuyển nhượng. Hiện nay, chị Thoảng E có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu hộ bà M, anh T2, chị L di dời nhà trả đất nhưng hộ bà M không thực hiện.

Trước đây, Ủy ban nhân dân xã M có tranh chấp đất với ông K nhưng đã giải quyết xong, không còn tranh chấp nên phần đất trên mới được cấp lần đầu cho bà D1 (do lúc này ông K đã chết), khi bà D1 chết thì chị Thoảng E đã được thừa kế quyền sử dụng đất trên.

Theo đơn khởi kiện thì chị Thoảng E có yêu cầu anh Du di D2 phần chuồng gà nhưng hiện nay phần chuồng gà trên đất tranh chấp đã được tháo dỡ nên chị Thoảng E xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh D.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thoảng E xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ bà Phan Thị M, gồm: Bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 di dời nhà, cây trồng và trả đất cho chị Thoảng E diện tích theo đo đạc thực tế là 815,4m² (Trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10 về mốc M1), thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do chị Thoảng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị Thoảng E là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho chị Nguyễn Thị Thoảng E.

Chị Thoảng E thống nhất với Sơ đồ đo đạc ngày 29/12/2023 do Công ty TNHH D3. Chị Thoảng E không đồng ý với kết quả định giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 27/03/2024.

Đối với ý kiến của bà M, anh D, anh T2, chị L về việc đồng ý di dời nhà nhưng đề nghị chị Thoảng E trả lại tiền công sức tôn tạo, san lấp 02 cái ao để xây dựng nhà, trả giá trị các cây trồng trên đất tổng cộng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) thì chị Thoảng E không đồng ý. Chị T4 chỉ đồng ý hỗ trợ gia đình bà M và anh T2 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chi phí di dời nhà.

** Bị đơn bà Phan Thị M và anh Trần Văn D trình bày:*

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông bà S (ông K, bà D1) chia cho anh D 02 cái hầm vào năm 1993, ông K nói cho anh D ở, anh D chỉ cần đưa 02 chỉ vàng 24kr xem như tiền công khai phá đất, lúc này đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông K chia đất cho anh D, bà M thì có làm giấy tay

nhưng hiện nay đã thất lạc, không tìm được. Sau đó, anh D cất nhà sàn ở đến khi có chương trình mức kênh nên Ngân hàng cho vay mỗi hộ 5.000.000 đồng, anh D sử dụng để lấp hầm tôn nền nhà. Sau khi mức kênh lấp địa, khoảng vài năm thì anh D cho bà M, ông X (cha mẹ anh D) vào cất nhà ở kế bên nhà anh D. Khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Hai H là anh của chị Thoảng E có nói để làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi tách ra cho gia đình anh D, nhưng sau khi làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị Thoảng E không thực hiện như thỏa thuận. Khoảng năm 2008-2009, Nhà nước có xét cấp cho anh D, bà M, mỗi người một nền tái định cư. Hiện nay, một nền thì anh D đang ở, còn một nền thì bà M cho anh T2 và anh T2 đã bán để mua máy cày làm ăn.

Đối với Biên bản hòa giải cơ sở ngày 13/02/2023, thì chữ ký "Mới", chữ viết họ tên "Phan Thị M" là do bà Phan Thị M ký và viết họ tên. Tại buổi hòa giải, chị Thoảng E nói đưa cho bà M 2.000.000 đồng để di dời nhà, lúc này bà M nói "Phải đưa liền 50.000.000 đồng, không thì thôi". Đến thời điểm hiện nay thì bà M không đồng ý thỏa thuận. Lý do thời điểm năm 2023, phần đất đang ở có giá trị từ 50.000.000 đồng, mà chỗ chị Thoảng E nói đưa 2.000.000 đồng nên bà M mới nói như vậy.

Hiện nay, trên phần đất tranh chấp có hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, cháu Trần Minh Q, cháu Trần Ngọc T3 đang sinh sống. Đối với anh D hiện đang sinh sống trên nền tái định cư tại xã M được Nhà nước cấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M và anh D không đồng ý di dời nhà trả đất vì phần đất trên được ông Sáu K1 cho gia đình anh D, bà M ở và trả tiền công khai phá là 02 chỉ vàng 24kara.

Bà M và anh D thống nhất với Sơ đồ đo đạc ngày 29/12/2023 do Công ty TNHH D3.

Tại phiên toà, bà M, anh D đồng ý di dời nhà trả đất cho chị Thoảng E nhưng đề nghị chị Thoảng E phải hỗ trợ tiền di dời nhà, giá trị cây trồng, công san lấp, tôn tạo đất tổng cộng là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T2 trình bày:*

Anh T2 và anh D là con của bà M và ông X. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà khai hoang và cho đất lại cho ông Sáu K1. Sau đó khoảng năm 1993, ông Sáu K1 mới bán phần đất trên lại cho anh D với giá là 02 chỉ vàng 24kr, lúc bán có làm giấy tay nhưng đã thất lạc. Việc thỏa thuận mua đất này chỉ

có anh D thỏa thuận với ông K1, không có ai khác chứng kiến. Thời điểm này, Nhà nước chưa có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh D chưa đăng ký cấp giấy được. Sau khi làm giấy tay thì anh D cất nhà sinh sống trên đất khoảng vài năm thì cho gia đình bà M, ông X vào cất nhà sinh sống trên phần đất tranh chấp cho đến nay.

Vào năm 2012, Ủy ban nhân dân xã M có làm việc với các hộ dân phía sau Ủy ban gồm có hộ của bà M với nội dung yêu cầu hộ bà M di dời nhà trả đất. Trước đây, Nhà nước có cấp cho anh D một nền nhà tái định cư, hộ bà M một nền nhà tái định cư nhưng sau đó bà M cho lại anh T2 và anh T2 đã bán nền nhà trên để mua máy cày. Hiện nay trên phần đất tranh chấp chỉ có căn nhà của anh T2 hiện do hộ anh T2 và bà M sinh sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh T2 không đồng ý với yêu cầu của chị Thoảng E vì đất này là do gia đình anh mua của ông K1. Nếu chị Thoảng E muốn sử dụng phần đất này thì gia đình anh T2 sẽ nhượng lại nhưng phải thỏa thuận giá hợp lý. Hiện nay, ngoài phần đất tranh chấp trên thì hộ anh T2, bà M không còn phần đất nào để sinh sống.

Anh T2 thống nhất với Sơ đồ đo đạc ngày 29/12/2023 do Công ty TNHH D3.

Tại phiên tòa, anh T2 thống nhất với ý kiến của bà M và anh D đồng ý di dời nhà nhưng yêu cầu chị Thoảng E phải hỗ trợ chi phí di dời nhà, cây trồng và chi phí san lấp tôn tạo đất tổng cộng là 200.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc L trình bày:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa, chị L trình bày thống nhất với ý kiến của bà M, anh D và anh T2. Ngoài ra, không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T có văn bản trình bày:*

Ủy ban nhân dân huyện T sẽ thực hiện kết quả giải quyết vụ án khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thoảng E đối với yêu cầu anh Trần Văn Du di dời tài sản trả đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thoảng E.

- Buộc hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 di dời nhà, di dời hoặc chặt đốn cây trồng (ngoài các cây trồng buộc chị Thoảng E trả giá trị) để trả lại cho chị T4 Em phần đất có diện tích 815,4m² (Trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10 về mốc M1), thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do chị Thoảng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/11/2023, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười; Sơ đồ đo đạc ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH D4).

- Hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc chị Thoảng E có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn T2 giá trị cây trồng (gồm 41 cây mít, 07 cây xoài, 04 cây dừa) tổng cộng là 13.220.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- Buộc chị Thoảng E có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn D giá trị công tôn tạo, san lấp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thoảng E hỗ trợ cho hộ bà M số tiền di dời là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, chi phí tố tụng, thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15 tháng 7 năm 2024, bà Phan Thị M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà M kháng cáo không đồng ý số tiền hỗ trợ di dời nhà mà chị Thoảng E hỗ trợ cho bà M với số tiền 20.000.000 đồng. Bà Phan Thị M yêu cầu buộc chị Thoảng E hỗ trợ di dời nhà cho bà M với số tiền là 50.000.000 đồng và 150.000.000 đồng tiền trang sửa cải tạo nâng cao giá trị đất.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M trình bày: Năm 2001, ông X là chồng bà M có tranh chấp đất với Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, nên xác định phần đất tranh chấp gia đình bà M ở trên phần đất tranh chấp từ năm 2001 đến nay hơn 23 năm. Trong quá trình ở thì anh D là con của bà M có san lấp, bồi đắp, nhưng không xác định được số tiền bao nhiêu, chỉ xác định khoảng 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T2 yêu cầu được tiếp tục sử dụng, ở trên phần

đất tranh chấp, anh T2 và gia đình thống nhất trả giá trị quyền sử dụng đất cho chị Thoảng E, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị M. Tuy nhiên, chị Thoảng E tự nguyện hỗ trợ, di dời, bồi thường tiền cây trồng, chi phí san lấp tổng cộng 50.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị Thoảng E1, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. **Các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.** Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều **293, 296** Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn K (chết năm 2013) và bà Nguyễn Thị D1 (chết năm 2021), để lại. Ngày 23/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà D1, thửa 2670, diện tích 2.231,3m², tờ bản đồ số 4, đất trồng cây lâu năm. Sau khi bà D1 chết, chị Nguyễn Thị Thoảng E và anh Nguyễn Văn S1 tiến hành thủ tục thừa kế. Ngày 23/8/2022 chị Thoảng E và anh S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Thoảng E được cấp diện tích 2.272,7m², thửa đất số 58, tờ bản đồ số 67, đất trồng cây lâu năm và anh S1 được cấp diện tích 54m², thửa đất số 61, tờ bản đồ số 67, đất trồng cây lâu năm.

[3] Theo chị Thoảng E, thời gian không nhớ khi còn sống thì ông K và bà D1 có cho bà Phan Thị M và chồng là ông Trần Văn X ở nhờ trên thửa đất số 58, khi cho ở nhờ không có làm giấy tờ, có thỏa thuận.....Nay chị Thoảng E yêu cầu hộ bà M, anh T2, chị L, Minh Q, Ngọc T3 di dời nhà, cây trồng trả lại diện tích đất 815,4m².

[4] Bà M, anh T2 cho rằng phần đất tranh chấp là của ông K và bà D1 đã chuyển nhượng cho anh Trần Văn D là con của bà M giá 02 chỉ vàng 24k, khi

chuyển nhượng có làm giấy tờ nhưng đã thất lạc. Anh D cho bà M xây dựng nhà ở.

[5] Theo anh Trần Văn D, thì vào năm 1993, ông K có chuyển nhượng cho anh D 02 cái ao (hầm) giá 02 chỉ vàng 24k. Anh D tiến hành san lấp xây dựng nhà ở và cho cha, mẹ là ông X và bà M xây dựng nhà ở đến năm 2008 -2009 được Nhà nước xét cấp 02 nền tái định cư cho anh D và bà M, nên anh D về xây dựng nhà ở trên nền tái định cư, còn bà M tiếp tục ở trên phần đất của ông K cho đến nay.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D xác định không có tranh chấp quyền sử dụng đất với chị Thoảng E. Trong trường hợp chị Thoảng E có bồi thường tiền chi phí san lấp thì anh D thống nhất sẽ giao cho bà M được hưởng.

[7] Xét kháng cáo của bà M yêu cầu chị Thoảng E hỗ trợ di dời nhà số tiền 50.000.000 đồng và tiền trang sửa cải tạo nâng giá trị đất số tiền 150.000.000 đồng thì mới đồng ý di dời nhà trả lại đất cho chị Thoảng E. Chị Thoảng E không đồng ý.

[8] Xét thấy, bà M, anh D và anh T2 thừa nhận phần đất tranh chấp là của ông K và bà D1. Bà M, anh D, anh T2 không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp anh D nhận chuyển nhượng của ông K. Vì thế, việc chị Thoảng E là con của ông K và bà D1 yêu cầu hộ bà M di dời nhà trả lại đất là có cơ sở.

[9] Đối với việc bà M yêu cầu chị Thoảng E hỗ trợ chi phí di dời nhà là 50.000.000 đồng và tiền trang sửa cải tạo nâng giá trị đất số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy, về phía bà M, anh T2 không có chứng cứ chứng minh chi phí trang sửa cải tạo đất số tiền 150.000.000 đồng. Mặt khác, bà M, anh T2 sinh sống trên phần đất tranh chấp từ năm 2003 cho đến nay, trong quá trình sinh sống cũng đã thu lợi từ việc sử dụng đất.

[10] Anh D, bà M không có chứng cứ chứng minh chi phí san lấp, cải tạo phần đất, nên việc bà M kháng cáo yêu cầu chị T4 Em trả chi phí trang sửa cải tạo đất số tiền 150.000.000 đồng là không có cơ sở.

[11] Theo Biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2024, anh T2 xác định giá trị cây trồng đối với mít là 220.000 đồng/cây, xoài là 400.000 đồng/cây, dừa lớn là 350.000 đồng/cây. Theo Biên bản xem xét, thẩm định bổ sung ngày 27/6/2024 thì số lượng mít còn lại là 41 cây, xoài là 07 cây, dừa lớn là 04 cây. Tổng giá trị cây trồng là 13.220.000 đồng. Đối với các cây trồng khác như mai, mận, cóc, vú sữa, khế và dừa nhỏ thì anh T2 sẽ tự chặt đốn hoặc di dời. Đối với chi phí tôn tạo, san lấp thì anh D trình bày có vay số tiền 5.000.000 đồng để san lấp 02 cái ao, hiện

nay không xác định được vị trí cụ thể cũng như khối lượng đất, cát san lấp để xác định giá trị công tôn tạo, san lấp. Xét lời trình bày của anh T2 về giá trị cây trồng 13.220.000 đồng và lời trình bày của anh D về giá trị san lấp 5.000.000 đồng là tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận. Buộc chị Thoảng E có nghĩa vụ trả cho anh T2 giá trị cây trồng tổng cộng là 13.220.000 đồng, trả cho anh D giá trị công tôn tạo, san lấp là 5.000.000 đồng.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Thoảng E đồng ý hỗ trợ chi phí di dời nhà và cây trồng cho bà M, anh T2, anh D tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng bao gồm: Trả tiền cây trồng, chi phí san lấp, chi phí di dời nhà. Đây là sự tự nguyện của chị Thoảng E, không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Theo bản án sơ thẩm, buộc hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 di dời nhà, di dời hoặc chặt đốn cây trồng (ngoài các cây trồng buộc chị Thoảng E trả giá trị) để trả lại cho chị T4 Em phần đất có diện tích 815,4m² (Trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10 về mốc M1), thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do chị Thoảng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không giao cho chị Thoảng E được quyền sở hữu các loại cây trồng là chưa đúng mà phải giao cho chị Thoảng E được quyền sở hữu 41 cây mít, 07 cây xoài, dừa lớn là 04 cây mới phù hợp với, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

[14] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, anh T2, chị L là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp.

[15] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận sự tự nguyện của chị Thoảng E là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị M. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[17] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[18] Do kháng cáo của bà M không được chấp nhận, nên bà Mới P chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà M là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308; Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị M.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2024/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thoảng E đối với yêu cầu anh Trần Văn Du di D2 tài sản trả đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thoảng E.

- Buộc hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 di dời nhà, di dời hoặc chặt đốn cây trồng (ngoài các cây trồng buộc chị Thoảng E trả giá trị) để trả lại cho chị T4 Em phần đất có diện tích 815,4m² (Trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10 về mốc M1), thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 67, địa chỉ thửa đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do chị Thoảng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc chị Thoảng E có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn T2 giá trị cây trồng (gồm 41 cây mít, 07 cây xoài, 04 cây dừa) tổng cộng là 13.220.000 đồng.

3. Buộc chị Thoảng E có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn D giá trị công tôn tạo, san lấp là 5.000.000 đồng.

4. Công nhận sự tự nguyện của chị Thoảng E hỗ trợ cho hộ bà M số tiền di dời là 31.780.000 đồng.

5. Chị Thoảng E được quyền sở hữu 41 cây mít, 07 cây xoài, dừa lớn là 04 cây trên diện tích 815,4m² (Trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M6-M7-M8-M9-M10 về mốc M1), thuộc một phần thửa 58, tờ bản đồ số 67, địa chỉ

thửa đất tại xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do chị Thoảng E đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/11/2023, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 27/6/2024 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười; Sơ đồ đo đạc ngày 29/12/2023 của Công ty TNHH D4).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

6. Về chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng tổng cộng là 3.300.000 đồng. Do chị Thoảng E đã tạm ứng và chi xong nên hộ bà M gồm bà Phan Thị M, anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, cháu Trần Minh Q, cháu Trần Ngọc T3 có nghĩa vụ trả lại cho chị Thoảng E số tiền 3.300.000 đồng.

7. Về án phí:

7.1 Chị Nguyễn Thị Thoảng E phải chịu 911.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.577.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000889, ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Thoảng E được nhận lại số tiền chênh lệch là 3.666.000 đồng.

7.2 Anh Trần Văn T2, chị Lê Thị Ngọc L, Trần Minh Q, Trần Ngọc T3 (Anh T2 và chị L là người giám hộ Minh Q, Ngọc T3) phải chịu 3.425.000 đồng.

7.3 Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Phan Thị M.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (D).

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng